

PHỤ LỤC 1

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI HÀNG
HÓA ASEAN – HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 2018 – 2022**

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)

1. Đánh giá tổng thể

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu cầu sau|:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AKFTA là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AKFTA giai đoạn 2022-2027 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định AKFTA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Việc ban hành Nghị định theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm sẽ hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định AKFTA

Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo lộ trình cam kết tại Hiệp định AKFTA, áp dụng cho giai đoạn 2018 - 2022. Việc ban hành Nghị định theo đúng lộ trình cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam theo quy định của Hiệp định và theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam đã góp phần hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

Về kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc và ASEAN, thống kê hải quan cho thấy, số liệu nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt 84 tỷ USD. Theo đó, năm 2021 giá trị nhập khẩu tăng 23% so với năm 2020, từ khoảng 79 tỷ USD lên 97 tỷ USD. Nhập khẩu giai đoạn 2018 - 2021 từ Hàn Quốc và Hàn Quốc chiếm trung bình 32,3% tỷ trọng nhập khẩu thế giới, tuy nhiên năm 2021 có sự sụt giảm về tỷ trọng năm 2021 so với 2020 giảm từ 33,6% xuống còn 29,5%. Như vậy, mặc dù có sự sụt giảm về tỷ trọng nhập khẩu so với thế giới trong năm 2021, tuy nhiên nhập khẩu từ Hàn Quốc và ASEAN vẫn là thị trường nhập khẩu lớn của Việt Nam.

Diện mặt hàng nhập khẩu chính từ Hàn Quốc và ASEAN (có giá trị từ 2 tỷ USD trở lên): Trong cơ cấu nhập khẩu năm 2021, các mặt hàng nhập khẩu chính từ thị trường Hàn Quốc và ASEAN gồm nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (25,8 tỷ USD); điện thoại các loại, (10,8 tỷ USD), máy móc thiết bị (8,9 tỷ USD) xăng dầu (khoảng 3,9 tỷ USD),... . Số liệu tham khảo tại Bảng 1.

Bảng 1: Các nhóm hàng nhập khẩu chính từ thị trường Hàn Quốc và ASEAN

Nhóm hàng	Giá trị nhập khẩu 2021 (tỷ USD)
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	25,8
Điện thoại các loại và linh kiện	10,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	8,9
Chất dẻo nguyên liệu	4,2
Xăng dầu các loại	3,9
Hàng hóa khác	3,7
Kim loại thường khác	3,5
Linh kiện, phụ tùng ô tô	2,4
Sắt thép các loại	2,3
Hóa chất	2,3

Sản phẩm hóa chất	2,3
Vải các loại	2,3
Cao su	2,3
Ô tô nguyên chiếc các loại	2,2
Sản phẩm từ chất dẻo	2,1

Về tỷ lệ hàng hóa đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt AKFTA (có Giấy chứng nhận xuất xứ C/O mẫu AK), trung bình giai đoạn 2018 - 2021 đạt khoảng 2,26% tổng kinh ngạch từ Hàn Quốc và ASEAN (khoảng 1,98 tỷ USD mỗi năm), giảm nhẹ từ 2,34% (năm 2020) xuống 2,08% (năm 2021). Trong khi đó, tỷ lệ C/O mẫu AK đạt trung bình 3,85% so với tổng kinh ngạch từ Hàn Quốc cho cùng giai đoạn, tỷ lệ này giảm từ 3,95% (năm 2020) xuống 3,6% (năm 2021). Có thể nhận định tác động từ việc thực hiện AKFTA lên việc tận dụng ưu đãi thuế trong giai đoạn 2018 đến 2021 là không đáng kể. Tuy nhiên, tỷ lệ hưởng ưu đãi (tỷ lệ C/O mẫu AK) có thể chưa được thống kê đầy đủ do số nợ C/O mẫu AK của doanh nghiệp.

Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất AKFTA (có giá trị nhập khẩu trên 50 triệu USD) bao gồm các mặt hàng là kim loại thường, chất dẻo, sắt thép, hóa chất, máy móc thiết bị phụ tùng,....

Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất AKFTA

Nhóm hàng	Giá trị nhập khẩu 2021 hưởng form AK (triệu USD)
Kim loại thường	448,3
Chất dẻo nguyên liệu	276,1
Sắt thép các loại	268,9
Sản phẩm hóa chất	152,5
Sản phẩm từ chất dẻo	126,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	111,4
Giấy các loại	104,0
Hóa chất	79,0
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	72,7

Về số thu thuế nhập khẩu theo form AKFTA, số thu của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 87,7 tỷ VND. Trong đó có giai đoạn giảm từ 153 tỷ VND (năm 2018) xuống còn 46 tỷ VND (năm 2020) và phục hồi đạt hơn 90 tỷ năm 2021. Như vậy, có thể thấy việc thực hiện cam kết trong AKFTA đồng nghĩa với việc giảm thuế theo lộ trình, cùng với sự ảnh hưởng của dịch bệnh, số thu giai đoạn 2018 - 2020 giảm. Năm 2021 là năm cuối

lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu theo AKFTA, tuy nhiên nhờ có sự tăng trưởng trong kim ngạch nhập khẩu khiến cho số thu tăng đột biến gần gấp đôi năm 2020.

Bảng 3: Một số mặt hàng chính tăng/giảm thu từ Hàn Quốc và ASEAN (tỷ VND)

Nhóm mặt hàng tăng thu	Thu NK 2018	Thu NK 2021	Tăng thu
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	2,7	26,6	24,0
Sản phẩm hóa chất	1,9	8,7	6,8
Sản phẩm từ sắt thép	0,5	5,7	5,2
Sắt thép các loại	0,3	4,1	3,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	1,1	4,8	3,7

Nhóm mặt hàng giảm thu	Thu NK 2018	Thu NK 2021	Giảm thu
Xăng dầu các loại	111,3	21,7	-89,6
Hàng hóa khác (đồ uống, hàng tạp hóa kim loại, bộ phận xe,...)	13,1	2,9	-10,2
Sản phẩm từ chất dẻo	11,4	5,8	-5,7
Sản phẩm từ giấy	4,6	0,4	-4,2
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1,6	0,0	-1,5

Quá trình thực hiện Nghị định 157/NĐ-CP ngày 27/12/2017 không nảy sinh các vấn đề, bất cập. Việc ban hành Nghị định biểu thuế cho giai đoạn tiếp theo cần kế thừa các nội dung đã thể hiện được giá trị thực tế trong thực thi cam kết.

3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

- Do biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Tuy nhiên, do tác động của việc nhập dòng thuế, nguyên tắc tuân thủ các Hướng dẫn chuyển đổi của các Ủy ban thực thi Hiệp định, một số dòng thuế sau khi nhập dòng có mức ưu đãi hơn so với Nghị định 157/2017/NĐ-CP, đồng thời việc phân mã và mô tả hàng hoá theo AHTN 2022 đòi hỏi chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số để bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 157/2017/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định AKFTA đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu

đãi đặc biệt.

Do thay đổi Danh mục từ AHTN 2017 sang AHTN 2022, biểu thuế bao gồm 59 dòng hàng ảnh hưởng bởi việc thay đổi mã hàng, tách gộp dòng. Đối với những dòng hàng này, Bộ Tài chính đã xây dựng thuế suất theo nguyên tắc không làm xói mòn cam kết quốc tế.

Các nhóm hàng chính có bị ảnh hưởng thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế AKFTA theo AHTN 2017 là: Động vật thân mềm, thủy sản (Chương 3), cây và các bộ phận của cây (Chương 12), chất béo, dầu vi sinh (chương 15), chế phẩm động vật, côn trùng (Chương 16), thuốc trừ côn trùng, diệt cỏ, diệt nấm (Chương 38), plastic và sản phẩm bằng plastic (Chương 39), cao su (Chương 40), các loại hàng dệt kim hoặc móc (Chương 60), Thủy tinh (Chương 70), sản phẩm bằng sắt, thép (Chương 73), máy móc, thiết bị (Chương 84), bộ phận xe (Chương 87).

Trong đó, các nhóm hàng chính thực hiện tách dòng 10 số khi chuyển đổi Biểu thuế AKFTA theo AHTN 2017 là: Động vật thân mềm, thủy sản (Nhóm 0307), cây và các bộ phận của cây (Nhóm 1211), chế phẩm động vật, côn trùng (Nhóm 1601, 1602), thuốc trừ côn trùng, diệt cỏ, diệt nấm (Nhóm 3808), plastic và sản phẩm bằng plastic (Nhóm 3919, 3920), xăm lốp (Nhóm 4011), vải (Nhóm 6001), kết cấu sắt thép (Nhóm 7308), tủ lạnh (Nhóm 8418), ống xả xe (Nhóm 8708).

- Kim ngạch nhập khẩu của các nhóm hàng này vào khoảng 33 triệu USD (chiếm 0.06% tổng nhập khẩu từ Hàn Quốc năm 2021). Mức thuế suất từ 0%, 5%, không cam kết)

- Theo lộ trình cắt giảm thuế quan ASEAN – Hàn Quốc, mức thuế suất bình quân (tính các dòng có thuế suất) cho giai đoạn 2022 – 2027 tính trên tổng biểu thuế Nghị định ban hành vào khoảng 1,74%.

- Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Việt Nam đã hoàn thành nghĩa vụ cắt giảm thuế theo lộ trình cam kết theo AKFTA từ năm 2021, do đó thuế suất cam kết cho giai đoạn 2022 - 2027 không thay đổi qua các năm. Nếu giả định tỉ lệ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định AKFTA là tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu từ Hàn Quốc bình quân giai đoạn 2018-2021 (tương đương với tăng 6%/năm); Tỉ lệ sử dụng Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) là 3,85% theo tỷ lệ trung bình thực tế đạt được cho giai đoạn 2018-2021 thì tổng thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam của những nhóm hàng chịu tác động điều chỉnh sẽ tăng/giảm không đáng kể.
